

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 35/2019/TT-BGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 9 năm 2019

THÔNG TƯ

Quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển

Căn cứ Bộ luật hàng hải số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;
Căn cứ Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;
Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, bao gồm: nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng từ nguồn ngân sách nhà nước và dự án xã hội hóa nạo vét trong vùng nước cảng biển do Bộ Giao thông vận tải quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công gồm Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam.
2. Hợp đồng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước nạo vét duy tu luồng hàng hải là hợp đồng ký kết giữa Cục Hàng hải Việt Nam và Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công về việc nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng.
3. Hợp đồng thi công là hợp đồng ký kết giữa Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và nhà thầu thi công nạo vét duy tu luồng.
4. Nhà đầu tư là doanh nghiệp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền lựa chọn để thực hiện hợp đồng dự án xã hội hóa nạo vét vùng nước cảng biển.

Chương II

NẠO VÉT DUY TU LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG NẠO VÉT DUY TU LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 4. Kế hoạch nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng

1. Kế hoạch nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng thuộc Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải hàng năm được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt, trong đó gồm có nội dung kế hoạch thực hiện nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng của năm kế hoạch và nội dung kế hoạch thực hiện công tác chuẩn bị cho các công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng của năm tiếp theo (bao gồm tìm kiếm vị trí đổ chất nạo vét, khảo sát, lập hồ sơ thiết kế, dự toán công trình và công tác lập báo cáo

đánh giá tác động môi trường, nhận chìm chất nạo vét ở biển, giao khu vực biển và các công tác khác có liên quan).

2. Việc lập kế hoạch nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng từ nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo trì công trình hàng hải và căn cứ vào các thông tin cơ bản sau:

a) Tầm quan trọng của tuyến luồng đối với hoạt động hàng hải, khai thác các cảng biển phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng tại khu vực;

b) Số liệu thống kê về khối lượng hàng hóa, lượt tàu thông qua cảng trong thời gian 03 năm gần nhất;

c) Số liệu thống kê kích thước cỡ tàu và mớn nước khai thác hành hải trên luồng, tần suất và cao độ mực nước chạy tàu hiệu quả;

d) Diễn biến sa bồi, kết quả nạo vét duy tu trong thời gian 03 năm gần nhất để dự báo khối lượng nạo vét duy tu;

đ) Phương án vị trí đổ chất nạo vét phù hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố, chấp thuận.

3. Cục Hàng hải Việt Nam phối hợp với Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thực hiện nghiên cứu, tìm kiếm, lập danh mục các vị trí đổ chất nạo vét của các công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng được giao quản lý và làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để được cấp phép vị trí đổ chất nạo vét.

Điều 5. Nội dung công tác kiểm tra giám sát

Nội dung công tác kiểm tra, giám sát công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 5 và Điều 20 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa (Nghị định số 159/2018/NĐ-CP) và các nội dung sau:

1. Nhật ký thi công phải được ghi theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Tư vấn giám sát có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công

ghi chép nhật ký thi công nạo vét theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hàng tuần, tư vấn giám sát gửi báo cáo thông qua hệ thống bưu chính viễn thông hoặc trực tiếp đến Cục Hàng hải Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này và kèm theo bản chụp nhật ký thi công công trình (trong tuần báo cáo).

3. Công tác kiểm tra, lưu trữ dữ liệu của hệ thống giám sát nạo vét lắp đặt trên phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển đồ chất nạo vét được quy định như sau:

a) Trước khi triển khai thi công công trình, chủ đầu tư (nhà đầu tư đối với dự án xã hội hóa nạo vét) chủ trì cùng đơn vị cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác thông tin AIS, đơn vị tư vấn giám sát, nhà thầu thi công công trình tiến hành kiểm tra hoạt động của hệ thống giám sát nạo vét lắp đặt trên phương tiện thi công, vận chuyển, đồ chất nạo vét. Kết quả kiểm tra được lập thành biên bản theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Nhà thầu thi công có trách nhiệm cung cấp đầy đủ dữ liệu thu được từ thiết bị ghi hình lắp đặt trên phương tiện vận chuyển, đồ chất nạo vét cho Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

c) Đơn vị tư vấn giám sát có trách nhiệm thực hiện, tổng hợp đầy đủ ảnh chụp trên phương tiện vận chuyển, đồ chất nạo vét (khoang chứa chất nạo vét) theo quy định và cung cấp kèm theo Báo cáo tuần tư vấn giám sát quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này cho Cục Hàng hải Việt Nam và Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

d) Đơn vị cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác thông tin AIS phục vụ quản lý phương tiện nạo vét có trách nhiệm lưu trữ dữ liệu hiện trường về số lượng phương tiện, vị trí, vận tốc di chuyển, thời điểm dừng đỗ từ thiết bị AIS lắp trên các phương tiện tham gia thi công, vận chuyển, đồ chất nạo vét;

đ) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm lưu trữ dữ liệu từ thiết bị ghi hình lắp đặt trên phương tiện thi công do nhà thầu thi công cung cấp và

ảnh chụp trên phương tiện vận chuyển, đồ chất nạo vét (khoang chứa chất nạo vét) tại các thời điểm theo quy định do đơn vị tư vấn giám sát cung cấp;

e) Dữ liệu thu được từ hệ thống giám sát nạo vét lắp đặt trên phương tiện thi công, vận chuyển, đồ chất nạo vét phải được lưu trữ trong thời gian 03 năm.

Mục 2

TỔ CHỨC THỰC HIỆN NẠO VÉT DUY TU LUỒNG HÀNG HẢI THEO HÌNH THỨC KHOÁN DUY TRÌ CHUẨN TẮC TRONG KHOẢNG THỜI GIAN XÁC ĐỊNH

Điều 6. Thiết kế, dự toán công trình

1. Lập thiết kế, dự toán công trình

Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình đối với hình thức khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định được lập trên cơ sở:

- a) Vị trí đồ chất nạo vét được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố, chấp thuận đảm bảo tiếp nhận chất nạo vét trong thời gian khoán duy trì chuẩn tắc;
- b) Chuẩn tắc duy trì của tuyến luồng đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại kế hoạch nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng từ nguồn ngân sách nhà nước;
- c) Khối lượng nạo vét duy trì chuẩn tắc luồng được tính toán là khối lượng trung bình hàng năm, xác định trên cơ sở diễn biến khối lượng sa bồi, tính toán trên các số liệu khảo sát thông báo hàng hải định kỳ, số liệu đo đạc bàn giao mặt bằng công trình và số liệu đo đạc nghiệm thu nạo vét duy tu của tuyến luồng trong khoảng thời gian tối thiểu 03 năm gần nhất. Khối lượng nạo vét bao gồm khối lượng nạo vét ban đầu (xác định trên số liệu khảo sát thông báo hàng hải mới nhất và được chuẩn xác khi đo đạc bàn giao mặt bằng) và khối lượng nạo vét duy trì chuẩn tắc luồng trong khoảng thời gian từ sau đợt nạo vét ban đầu đến hết thời gian khoán duy trì chuẩn tắc luồng;
- d) Dự toán kinh phí nạo vét duy tu theo hình thức khoán duy trì chuẩn tắc được xác định theo khối lượng nạo vét tương ứng với chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng, vị trí đồ chất nạo vét và thời gian duy trì chuẩn tắc.